TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **551**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân PH**

2. Ông Trần Vũ Vương

- Thư ký Phên tòa: **Bà Hoàng Thị P Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia Phên tòa: **Bà Lê Thị Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 565/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:102/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn Phên tòa số: 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn C,** sinh năm 1984; HKTT: số 72 M M, phường H B, quận H K,thành phố Hà Nội. Cư trú: số 11 ngõ 96 phố T Nh, phường T Nh, quận H B T, thành phố Hà Nội. Có mặt tại Phên tòa.

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái H**, sinh năm 1984; HKTT: số 72 M M, phường H B, quận H K, thành phố Hà Nội. Cư trú: số 11 ngõ 96 phố T Nh, phường T Nh, quận H B T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại Phên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 04/10/2022 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – ông Trịnh Văn C trình bày:

Ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị Thái H có tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2009 tại UBND phường H B, quận H K, thành phố Hà Nội. Sau khi lấy nhau, vợ chồng

chung sống hạnh phúc và sống tại nhà bố mẹ ông C. Đến năm 2012 thì vợ chồng ông C mua nhà và chuyển về sinh sống tại số 11 ngõ 96 phố T Nh, phường T Nh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ở từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống, đến năm 2019, hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sinh hoạt không hợp nhau, thường xuyên to tiếng, vợ chồng mâu thuẫn về cách nuôi dạy con chung, về quan điểm về cách kinh doanh, ngoài ra còn có mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu trong gia đình. Ông C tính cách hơi gia trưởng, bận làm ăn kinh tế nhưng vẫn dành thời gian quan tâm chăm sóc và chu cấp tiền hàng tháng cho bà H và con học tập, sinh hoạt. Bà H thì chỉ ở nhà, hưởng thụ; sau đó còn thay đổi tính nết, quan niệm, cách sống khác thường. Bà H thường bỏ nhà, tham gia các khóa tu tập trong thời gian 7 đến 10 ngày. Hết thời gian tu tập bà H lại về nhà, nhưng không quan tâm đến chồng, cứ ai nói là chửi, thậm chí còn chửi cả mẹ chồng, tỏ thái độ không bằng lòng; hai vợ chồng từ lâu cũng không có quan hệ tình cảm. Qua tìm hiểu Ông C thấy hành vi của bà H là có dấu hiệu mắc bệnh trầm cảm nên đã trao đổi với gia đình đưa bà H đi khám chữa bệnh nhưng bà H chửi bới, không đồng ý đi khám và không chịu uống thuốc.

Ông C cố gắng hàn gắn cải thiện tình cảm, nói chuyện với vợ nhưng không có kết quả. Nay ông C xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn hai bên căng thẳng, không hàn gắn được; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nên ông C xin ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông C và bà H có 1 con chung là: Trịnh Vũ P, sinh ngày 07/8/2009. Khi ly hôn, ông xin được nuôi con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay con chung đang ở với ông C tại số 11 ngõ 96 phố T Nh, phường T Nh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và đang học tại Trường Trung học Vinschool Timecity. Hiện nay, ông làm kinh doanh tự do có thu nhập bình quân khoảng 100.000.000 đồng/tháng. Về tài sản và nhà ở chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai đề ngày 05/7/2023, bị đơn – bà Nguyễn Thị Thái H trình bày:

Bà H do bận công việc nên không đến được Tòa án để tham gia tố tụng, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà trình bày: Bà và ông Trịnh Văn C tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 02/6/2009 tại UBND phường H B, quận H K, thành phố Hà Nội. Sau khi lấy nhau, vợ chồng chung sống không

hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian căng thẳng nhất là từ năm 2019. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sinh hoạt giữa hai bên không hợp nhau, thường xuyên to tiếng, mẫu thuẫn về cách nuôi dạy con chung, quan điểm xây dựng kinh tế. Hai bên đã cố gắng cải thiện tình cảm, nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Từ năm 2020, hai bên cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông C xin ly hôn thì bà xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 1 con chung là: Trịnh Vũ P, sinh ngày 07/8/2009. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông C được nuôi con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Pên tòa:

Ông Trịnh Văn C vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thái H. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được ly hôn.Về con chung: Ông C xin được nuôi con chung là Trịnh Vũ P, sinh ngày 07/8/2009 và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Ông C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thái H vắng mặt tại Pên tòa lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Ông C chấp hành đúng qui định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bà H được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình tố tụng, chỉ viết bản tự khai ngày 05/7/2023 gửi cho Tòa án. Pên tòa lần thứ hai bà H vẫn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành theo đúng điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Pên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông C với bà H. Ông C được ly hôn với bà H. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Vũ P, sinh ngày 07/8/2009. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi ông C có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn và bị hiện nay đang cư trú tại: số 11 ngõ 96 phố T Nh, phường T Nh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn Pên tòa cho bà H tuy nhiên bà H vắng mặt tại Pên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. *Về hôn nhân:* Ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị Thái H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2009 tại UBND phường H B, quận H K, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, ông C mong muốn được ly hôn vì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Bà H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và ngày 05/7/2023 gửi cho Tòa án bản tự khai trình bày nội dung: Vợ chồng bà chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian căng thẳng nhất là năm 2019. Từ năm 2020, hai bên cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông C xin ly hôn thì bà xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Qua các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả thu thập các tài liệu, chứng cứ, lấy ý kiến tại gia đình và xác minh tại địa pH, thể hiện: Sau khi kết hôn năm 2009, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sinh hoạt giữa hai bên không hợp nhau, thường xuyên to tiếng, mẫu thuẫn về cách nuôi dạy con chung, quan điểm xây dựng kinh tế. Từ năm 2020, hai bên cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình 2 bên cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Từ năm 2020 đến nay, hai bên sống ly thân nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C xác định không còn tình cảm nên C quyết xin ly hôn.

Bà H biết việc ông C xin ly hôn nhưng có bản tự khai tình bày đồng ý ly hôn, đồng ý cho ông C nuôi con, không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, ông C, bà H đã không còn duy trì cuộc sống chung vợ chồng được một thời gian, hai vợ chồng không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông C xin ly hôn với bà H là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà H.

2.2. *Về con chung:* Ông C và bà H xác nhận có 01 con chung là: Trịnh Vũ P, sinh ngày 07/8/2009. Ông C xin được nuôi con chung, không yêu cầu Bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H không đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng có bản tự khai đồng ý cho ông C nuôi con và không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu P cũng có ý kiến mong muốn được ở với bố. Hiện nay cháu P cũng đang ở với ông C ổn định nên việc ông C là người trực tiếp nuôi con là đúng qui định định của pháp luật đảm bảo mọi quyền lợi cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. *Về tài sản chung và nhà ở chung:* Ông C xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai bà H trình bày về tài sản chung, nhà ở chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xét.

2.4. *Về công nợ:* Ông C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai bà H trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông C và Bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Ông Trịnh Văn C với bà Nguyễn Thị Thái H. Ông Trịnh Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thái H.

2. *Về con chung:* Ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị Thái H xác nhận có 01 con chung tên là Trịnh Vũ P, sinh ngày 07/8/2009.

Giao cho ông Trịnh Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Trịnh Vũ P kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi ông C có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Bà H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị Thái H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về công nợ*: Ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị Thái H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* ông Trịnh Văn C phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0012859 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Trịnh Văn C, vắng mặt bà Nguyễn Thị Thái H. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND p. H T, q. H K, HN,
(Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2009, ngày 02/6/2009)
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Phạm Hoàng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PÊN TÒA